

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN MIỀN NAM
THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT
STOCK COMPANY**

Số/No: 217/CBTT-PBMN

V/v: Trình bày lại số liệu BCTC kiểm toán năm 2024 theo kết luận của Kiểm toán nhà nước.
Re: *Restatement of the audited financial statement figures for 2024 in accordance with the conclusions of the State Audit of Vietnam.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2026
Ho Chi Minh City, February 25, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- To:**
- *State Securities Commission of Vietnam;*
 - *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Name of organization: THE SOUTHERN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: **SFG**
- Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Tp.Hồ Chí Minh
Address: 125B Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02838 325.889 Fax: 02838 322.807
- E-mail: congty@phanbonmiennam.com.vn
- Website: <https://phanbonmiennam.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

Ngày 25/02/2026, Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam đã nhận được Thông báo số 07/TB-KTNN ngày 05/01/2026 về việc Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam.

On February 25, 2026, The Southern Fertilizer Joint Stock Company received Notice No. 07/TB-KTNN dated January 05, 2026 regarding the notification of audit results at Southern Fertilizer Joint Stock Company.

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty đã tiến hành trình bày lại số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán bởi đơn vị Kiểm toán độc lập) theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Số liệu điều chỉnh là số liệu so sánh đầu kỳ trên Báo cáo tài chính Quý IV năm 2025 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025. Các số liệu trên BCTC Quý I, II, III/2025 và BCTC giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét giữ nguyên không thay đổi.

(Đính kèm theo Công văn số 217/CBTT-PBMN ngày 25/02/2026 của CTCP Phân bón Miền Nam)
(Attached to Official Letter No. 217/CBTT-PBMN dated February 25, 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company)

In compliance with the recommendations of the State Audit of Vietnam, the Company has carried out the restatement of the 2024 financial statement figures (which had been audited by an independent audit firm) in accordance with the audit report issued by the State Audit of Vietnam. The adjusted figures are the opening comparative figures presented in the Quarter IV 2025 Financial Statements and the audited Financial Statements for the year 2025. The figures presented in the Quarter I, II, III 2025 Financial Statements and the reviewed interim Financial Statements for 2025 remain unchanged.

Chi tiết số liệu trình bày lại được đính kèm theo văn bản này.

Details of the restated figures are enclosed with this disclosure.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/02/2026 tại đường dẫn <https://phanbonmiennam.com.vn>

This information was disclosed on the Company's website on February 25, 2026 at the following link: <https://phanbonmiennam.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full legal responsibility for the contents of the disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được uỷ quyền CBTT

Authorized person for information disclosure



Nguyễn Hồng Trường

(Đính kèm theo Công văn số 217/CBTT-PBMN ngày 25/02/2026 của CTCP Phân bón Miền Nam)
(Attached to Official Letter No. 217/CBTT-PBMN dated February 25, 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company)

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	31/12/2024	31/12/2024
		Đã được báo cáo trước đây	Trình bày lại theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước
TÀI SẢN			
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.129.651.248.905	1.129.651.248.905
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200	252.145.857.362	257.425.362.405
II. Tài sản cố định	220	137.568.856.193	144.071.744.822
1. Tài sản cố định hữu hình	221	57.435.236.950	63.938.125.579
- Nguyên giá	222	551.551.346.087	559.313.924.094
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(494.116.109.137)	(495.375.798.515)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	64.193.905.465	62.970.521.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	63.038.122.307	61.814.738.721
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.381.797.106.267	1.387.076.611.310
NGUỒN VỐN			
C – NỢ PHẢI TRẢ	300	732.492.246.785	733.548.147.794
I. Nợ ngắn hạn	310	732.230.839.972	733.286.740.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.432.530.689	3.488.431.698
D – VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	649.304.859.482	653.528.463.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	649.304.859.482	653.528.463.516
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	54.171.840.829	58.395.444.863
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	25.684.184.993	29.907.789.027
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.381.797.106.267	1.387.076.611.310

- The items in the Balance Sheet are restated as follows:

Units: VND

Line items	Notes	December 31 st , 2024	December 31 st , 2024
		Previously reported	Restated in accordance with the State Audit Office' conclusions
ASSETS			
A – CURRENT ASSETS	100	1.129.651.248.905	1.129.651.248.905
B – NON-CURRENT ASSETS	200	252.145.857.362	257.425.362.405
II. Fixed assets	220	137.568.856.193	144.071.744.822
1. Tangible fixed assets	221	57.435.236.950	63.938.125.579
- Historical cost	222	551.551.346.087	559.313.924.094

(Đính kèm theo Công văn số 217/CBTT-PBMN ngày 25/02/2026 của CTCP Phân bón Miền Nam)
(Attached to Official Letter No. 217/CBTT-PBMN dated February 25, 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company)

- Accumulated depreciation (*)	223	(494.116.109.137)	(495.375.798.515)
VI. Other non-current assets	260	64.193.905.465	62.970.521.879
1. Long-term prepaid expenses	261	63.038.122.307	61.814.738.721
TOTAL ASSETS	270	1.381.797.106.267	1.387.076.611.310
EQUITY			
C – LIABILITIES	300	732.492.246.785	733.548.147.794
I. Short-term debt	310	732.230.839.972	733.286.740.981
3. Taxes and other payables to the State	313	2.432.530.689	3.488.431.698
D – EQUITY	400	649.304.859.482	653.528.463.516
I. Owners' equity	410	649.304.859.482	653.528.463.516
11. Undistributed after-tax profit	421	54.171.840.829	58.395.444.863
- Undistributed profit for this period	421b	25.684.184.993	29.907.789.027
TOTAL LIABILITIES AND EQUITY	440	1.381.797.106.267	1.387.076.611.310

- Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán
A		1	2
- Giá vốn hàng bán	11	1.460.647.679.714	1.457.397.469.420
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	139.509.751.436	142.759.961.730
- Chi phí bán hàng	24	61.479.655.637	59.721.955.637
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30	26.030.795.237	31.038.705.531
- Chi phí khác	32	1.374.512.191	1.102.917.442
- Lợi nhuận khác	40	6.104.952.134	6.376.546.883
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	32.135.747.371	37.415.252.414
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.474.734.637	8.530.635.646
- Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	25.684.184.993	29.907.789.027

- The items in the Income Statement are restated as follows:

Units: VND

Line items	Notes	Report number	Audit number
A		1	2
- Cost of goods sold	11	1.460.647.679.714	1.457.397.469.420
- Gross profit from sales and service rendering	20	139.509.751.436	142.759.961.730
- Selling expenses	24	61.479.655.637	59.721.955.637
- Operating profit	30	26.030.795.237	31.038.705.531
- Other expenses	32	1.374.512.191	1.102.917.442
- Other profit	40	6.104.952.134	6.376.546.883

(Đính kèm theo Công văn số 217/CBTT-PBMN ngày 25/02/2026 của CTCP Phân bón Miền Nam)
(Attached to Official Letter No. 217/CBTT-PBMN dated February 25, 2026 of Southern Fertilizer Joint Stock Company)

- Total accounting profit before tax	50	32.135.747.371	37.415.252.414
- Current corporate income tax expense	51	7.474.734.637	8.530.635.646
- Profit after corporate income tax	60	25.684.184.993	29.907.789.027

- Các chỉ tiêu trên Báo cáo Thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán
A	1	2
I. Thuế	2.432.530.689	3.488.431.698
1. Thuế GTGT	286.237.838	286.237.838
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.146.292.851	3.202.193.860
II. Các khoản phải thu khác	-	-
Tổng cộng = I +II	2.432.530.689	3.488.431.698

- The items in the Report on Taxes and Other Payables to the State are restated as follows:

Units: VND

Line items	Report number	Audit number
A	1	2
III. Taxes	2.432.530.689	3.488.431.698
1. Value-added tax (VAT)	286.237.838	286.237.838
2. Corporate income tax	2.146.292.851	3.202.193.860
IV. Other receivables	-	-
Total = I +II	2.432.530.689	3.488.431.698

